

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CẢNG ĐỒNG NAI**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016



CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG ĐỒNG NAI

1B-D3, Khu phố Bình Dương, Phường Long Bình Tân,
TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 – 2
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	3 – 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2016	5 – 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016	8
Thuyết minh báo cáo tài chính chọn lọc	9 – 26

2361
CÔNG
TY
CỔ PHẦN
CẢNG ĐỒNG NAI
TP. BIÊN HÒA
TỈNH ĐỒNG NAI

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai (dưới đây gọi tắt là "Công ty") hân hạnh đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đính kèm đã được soát xét của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016.

CÁC THÔNG TIN CHUNG

Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai trước đây là một doanh nghiệp Nhà nước. Ngày 24 tháng 08 năm 2005, Công ty được chuyển đổi thành công ty cổ phần có tên gọi là Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai theo giấy Chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 3600334112 ngày 04 tháng 01 năm 2006 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư tỉnh Đồng Nai cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 19 tháng 03 năm 2016.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại 1B-D3, Khu phố Bình Dương, Phường Long Bình Tân, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

Vốn điều lệ và vốn pháp định theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần lượt là 123.479.870.000 VND và 6.000.000.000 VND.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Trần Thanh Hải	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 15 tháng 03 năm 2016)
Ông Đỗ Văn Sâm	Phó Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 15 tháng 03 năm 2016) (miễn nhiệm Chủ tịch ngày 14 tháng 03 năm 2016)
Bà Nguyễn Thị Bạch Mai	Phó Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 14 tháng 03 năm 2016)
Ông Huỳnh Ngọc Tuấn	Thành viên
Ông Phan Trọng Dũng	Thành viên
Ông Nguyễn Thanh Tùng	Thành viên (bổ nhiệm ngày 15 tháng 03 năm 2016)
Ông Nguyễn Ngọc Tuấn	Thành viên (miễn nhiệm ngày 14 tháng 03 năm 2016)

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Bà Lê Thị Bích Loan	Trưởng ban (bổ nhiệm ngày 15 tháng 03 năm 2016)
Bà Nguyễn Thị Hạnh	Trưởng ban (miễn nhiệm ngày 14 tháng 03 năm 2016)
Bà Hoàng Thị Thu Thủy	Thành viên
Ông Võ Văn Minh	Thành viên (bổ nhiệm ngày 15 tháng 03 năm 2016)
Ông Phạm Văn Huy	Thành viên (miễn nhiệm ngày 14 tháng 03 năm 2016)

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Nguyễn Ngọc Tuấn	Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 25 tháng 03 năm 2016)
Bà Nguyễn Thị Bạch Mai	Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 24 tháng 03 năm 2016)
Ông Đỗ Văn Sâm	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Văn Nguyên	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hằng kỳ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG ĐỒNG NAI

1B-D3, Khu phố Bình Dương, Phường Long Bình Tân,
TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2016

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam, thành viên RSM Quốc tế.

CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty công bố rằng, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 30 tháng 06 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc



Nguyễn Ngọc Tuấn
Tổng giám đốc

Đồng Nai, ngày 08 tháng 08 năm 2016

Số: 17.110/BCSX-RSM

**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ****Kính gửi: Các thành viên Hội đồng Quản trị
Các thành viên Ban Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG ĐỒNG NAI**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai, được lập ngày 08 tháng 08 năm 2016, từ trang 05 đến trang 26, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính chọn lọc.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

(Xem tiếp trang sau)

**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của đơn vị tại ngày 30 tháng 06 năm 2016, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của đơn vị cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.



Lục Thị Vân

Phó Tổng giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:
0172-2013-026-1

Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 08 năm 2016

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 2.3 của Bản thuyết minh báo cáo tài chính, Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Th. minh	Tại ngày 30/06/2016	Tại ngày 01/01/2016
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		121.044.078.969	114.544.189.715
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	(5.1)	43.620.799.404	57.423.882.727
1. Tiền	111		15.372.956.190	15.849.779.513
2. Các khoản tương đương tiền	112		28.247.843.214	41.574.103.214
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		77.252.345.079	51.086.413.889
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	(5.3)	59.378.499.469	46.715.715.626
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	(5.4)	19.506.766.238	4.496.772.346
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	(5.5)	2.375.801.019	3.532.898.185
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	(5.6)	(4.008.721.647)	(3.658.972.268)
III. Hàng tồn kho	140		125.114.720	474.210.272
1. Hàng tồn kho	141		125.114.720	474.210.272
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		45.819.766	5.559.682.827
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	(5.10)	45.819.766	117.513.616
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	(5.13)	-	5.442.169.211
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		536.005.241.132	529.215.985.971
I. Tài sản cố định	220		374.182.391.857	368.419.720.225
1. Tài sản cố định hữu hình	221	(5.8)	373.879.804.919	368.051.074.087
Nguyên giá	222		559.037.083.806	538.229.889.056
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(185.157.278.887)	(170.178.814.969)
2. Tài sản cố định vô hình	227	(5.9)	302.586.938	368.646.138
Nguyên giá	228		2.648.063.207	2.608.063.207
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.345.476.269)	(2.239.417.069)
II. Tài sản dở dang dài hạn	240		110.921.677.859	122.967.013.269
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	(5.7)	110.921.677.859	122.967.013.269
III. Đầu tư tài chính dài hạn	250	(5.2)	22.165.000.000	22.165.000.000
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		15.165.000.000	15.165.000.000
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		7.000.000.000	7.000.000.000
IV. Tài sản dài hạn khác	260		28.736.171.416	15.664.252.477
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	(5.10)	28.736.171.416	15.664.252.477
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		657.049.320.101	643.760.175.686

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Th. minh	Tại ngày 30/06/2016	Tại ngày 01/01/2016
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		314.429.974.362	308.811.270.298
I. Nợ ngắn hạn	310		135.501.480.769	126.287.203.463
1. Nợ phải trả người bán ngắn hạn	311	(5.12)	33.840.800.324	45.979.175.817
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		2.527.329.420	3.093.379.266
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	(5.13)	1.992.639.295	1.263.773.067
4. Phải trả người lao động	314	(5.14)	9.556.711.354	7.839.768.373
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	(5.15)	1.958.426.816	1.757.870.233
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	(5.17)	1.381.093.366	1.486.111.280
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	(5.16)	5.980.890.660	1.820.099.015
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	(5.11)	69.868.111.475	58.805.901.794
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	(5.18)	4.684.020.728	-
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		3.711.457.331	4.241.124.618
II. Nợ dài hạn	330		178.928.493.593	182.524.066.835
1. Phải trả dài hạn khác	337	(5.16)	5.870.057.000	-
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	(5.11)	173.058.436.593	182.524.066.835
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		342.619.345.739	334.948.905.388
I. Vốn chủ sở hữu	410	(5.19.1)	342.619.345.739	334.948.905.388
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	(5.19.2)	123.479.870.000	123.479.870.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		123.479.870.000	123.479.870.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		74.434.806.545	74.434.806.545
3. Quỹ đầu tư phát triển	418	(5.19.5)	103.276.196.821	103.270.951.688
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	(5.19.5)	7.752.120.803	5.823.245.177
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		33.676.351.570	27.940.031.978
LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		2.871.088.723	2.116.862.910
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		30.805.262.847	25.823.169.068
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		657.049.320.101	643.760.175.686



Nguyễn Ngọc Tuấn
Tổng giám đốc

Đồng Nai, ngày 08 tháng 08 năm 2016

Huỳnh Ngọc Tuấn
Kế toán trưởng

Vũ Thị Quỳnh Trang
Người lập

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	(5.21)	186.416.699.047	154.608.941.700
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		186.416.699.047	154.608.941.700
3. Giá vốn hàng bán	11	(5.22)	125.855.056.546	100.235.722.644
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		60.561.642.501	54.373.219.056
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	(5.23)	1.929.600.001	1.381.354.948
6. Chi phí tài chính	22	(5.24)	10.023.507.717	3.683.933.326
<i>Trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		9.934.317.717	3.683.933.326
7. Chi phí bán hàng	25	(5.25)	5.093.607.435	6.070.625.248
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	(5.26)	15.165.688.774	18.422.805.333
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		32.208.438.576	27.577.210.097
10. Thu nhập khác	31		324.686.591	66.371.940
11. Chi phí khác	32		43.496.356	102.183.854
12. Lợi nhuận khác	40		281.190.235	(35.811.914)
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		32.489.628.811	27.541.398.183
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	(5.28)	1.684.365.964	1.389.584.359
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		30.805.262.847	26.151.813.824
16. Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu	70	(5.19.4)	2.329	1.977



Nguyễn Ngọc Tuấn
Tổng giám đốc

Đồng Nai, ngày 08 tháng 08 năm 2016

Huỳnh Ngọc Tuấn
Kế toán trưởng

Vũ Thị Quỳnh Trang
Người lập



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Kỳ này	Kỳ trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		32.489.628.811	27.541.398.183
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao TSCĐ	02		15.084.523.118	10.891.693.481
Các khoản dự phòng	03		349.749.379	(307.322.297)
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(1.790.303.295)	(1.623.856.780)
Chi phí lãi vay	06		9.934.317.717	3.683.933.326
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		56.067.915.730	40.185.845.913
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(21.073.511.358)	(7.696.460.983)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		349.095.552	195.260.573
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		40.411.832.577	(7.111.865.566)
Tăng giảm chi phí trả trước	12		(13.000.225.089)	2.015.948.147
Tiền lãi vay đã trả	14		(9.934.317.717)	(3.683.933.326)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(1.667.196.655)	(957.099.876)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(3.626.637.251)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		47.526.955.789	22.947.694.882
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(44.711.607.071)	(61.939.148.377)
2. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		900.000.000	300.000.000
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.790.303.295	1.623.856.780
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(42.021.303.776)	(60.015.291.597)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ đi vay	33	(5.29)	72.611.668.044	108.680.435.493
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(5.30)	(71.015.088.605)	(78.058.696.597)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho sở hữu	36		(20.905.314.775)	(15.673.333.200)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(19.308.735.336)	14.948.405.696
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		(13.803.083.323)	(22.119.191.019)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		57.423.882.727	57.292.526.422
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70		43.620.799.404	35.173.335.403



Nguyễn Ngọc Tuấn
Tổng giám đốc

Huyền Ngọc Tuấn
Kế toán trưởng

Vũ Thị Quỳnh Trang
Người lập

Đồng Nai, ngày 08 tháng 08 năm 2016

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trước đây là một doanh nghiệp Nhà nước. Ngày 24 tháng 08 năm 2005, Công ty được chuyển đổi thành công ty cổ phần có tên gọi là Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai theo giấy Chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 3600334112 ngày 04 tháng 01 năm 2006 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư tỉnh Đồng Nai cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 19 tháng 03 năm 2016.

Ngày 04 tháng 08 năm 2011, Công ty chính thức được cấp phép đăng ký giao dịch chứng khoán tại Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 118/2011/QĐ-SGDHCM ngày 04 tháng 08 năm 2011 của Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh. Ngày 26 tháng 10 năm 2011, Công ty chính thức được niêm yết giao dịch chứng khoán tại Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Thông báo số 867/2011/TB-SGDHCM ngày 12 tháng 10 năm 2011 của Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 123.479.870.000 VND, được chi tiết như sau:

Nhà đầu tư	Quốc gia	Tại ngày 30/06/2016		Tại ngày 01/01/2016	
		Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)
Tổng Công ty Cổ Phần Phát Triển Khu Công Nghiệp	Việt Nam	62.974.800.000	51%	62.974.800.000	51%
Công ty Cổ phần Chứng Khoán Sài Gòn	Việt Nam	24.671.510.000	20%	24.671.510.000	20%
Quỹ Đầu Tư Phát Triển Tỉnh Đồng Nai	Việt Nam	4.625.040.000	4%	4.625.040.000	4%
Các cổ đông khác		31.208.520.000	25%	31.208.520.000	25%
Cộng		123.479.870.000	100%	123.479.870.000	100%

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại 1B-D3, Khu phố Bình Dương, Phường Long Bình Tân, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2016 là 255 nhân viên (31 tháng 12 năm 2015 là: 246 nhân viên).

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Dịch vụ khai thác cảng.

1.3. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Kho bãi và lưu giữ hàng hoá (Chi tiết: Kho bãi và lưu giữ hàng hoá trong kho ngoại quan, kho bãi và lưu giữ hàng hoá trong kho lạnh (trừ kho ngoại quan), kho bãi và lưu giữ hàng hoá trong kho khác);
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy;
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải;
- Bốc xếp hàng hóa (Chi tiết: Bốc xếp hàng hóa cảng biển);

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương; ...

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**2.1. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12.

2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

2.3. Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam, theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**3.1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

3.2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam

Công ty tuân thủ Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam để soạn thảo và trình bày các báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016.

3.3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Các chính sách kế toán áp dụng để lập báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016 thống nhất với các chính sách kế toán đã áp dụng để lập báo cáo tài chính năm 2015.

5. CÁC SỰ KIỆN HOẶC GIAO DỊCH TRỌNG YẾU TRONG KỲ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Tại ngày 30/06/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
Tiền mặt	452.063.586	439.630.441
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	14.920.892.604	15.410.149.072
Các khoản tương đương tiền	28.247.843.214	41.574.103.214
Cộng	43.620.799.404	57.423.882.727

Tương đương tiền là các khoản tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn không quá 3 tháng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

5.2. Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được chi tiết như sau:

	Tại ngày 30/06/2016			Tại ngày 01/01/2016			
	VND			VND			
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết:							
Công ty Cổ phần Cảng Long Thành	1.665.000.000	-	1.665.000.000	1.665.000.000	-	1.665.000.000	(a)
Công ty Cổ phần Dịch vụ Cảng Đồng Nai	13.500.000.000	-	13.500.000.000	13.500.000.000	-	13.500.000.000	(b)
Cộng	15.165.000.000	-	15.165.000.000	15.165.000.000	-	15.165.000.000	
Đầu tư vào đơn vị khác:							
Công ty Cổ phần Sonadezi Châu Đức	7.000.000.000	-	7.000.000.000	7.000.000.000	-	7.000.000.000	(c)
Cộng	7.000.000.000	-	7.000.000.000	7.000.000.000	-	7.000.000.000	

(a) Khoản đầu tư này chiếm 30% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Cảng Long Thành, một công ty thành lập và hoạt động tại Việt Nam. Hoạt động chính của Công ty Cổ phần Cảng Long Thành là: kinh doanh khai thác cầu cảng, khai thác kho tàng bến bãi, bốc xếp và vận tải hàng hóa bằng ô tô trong và ngoài cảng và các dịch vụ của ngành hàng hải, dịch vụ sửa chữa phương tiện bốc xếp, vận tải, tàu lai dắt, vận chuyển hàng hóa đường thủy, đường bộ, cung cấp nhiên liệu (xăng, dầu, dầu nhờn các loại), đại lý và dịch vụ khai thác hàng hải.

(b) Khoản đầu tư này chiếm 45% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Dịch vụ Cảng Đồng Nai, một công ty thành lập và hoạt động tại Việt Nam. Hoạt động chính của Công ty Cổ phần Dịch vụ Cảng Đồng Nai là: cho thuê máy móc thiết bị xây dựng, cho thuê container, kho bãi và lưu giữ hàng hóa, xây dựng công trình công nghiệp, đường thủy, bến cảng và các công trình trên sông, đường hầm, nạo vét sông.

(c) Khoản đầu tư này chiếm 0,7% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Sonadezi Châu Đức, một công ty thành lập và hoạt động tại Việt Nam. Hoạt động chính của Công ty Cổ phần Sonadezi Châu Đức là: cho thuê đất và mặt bằng, tư vấn thiết kế, quy hoạch, lập dự án đầu tư, tư vấn quản lý dự án, giám sát, thẩm định, kiểm định công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông, kinh doanh công trình kết cấu hạ tầng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

5.3. Phải thu của khách hàng

	Tại ngày 30/06/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng:		
Phải thu của khách hàng cung cấp dịch vụ	59.378.499.469	46.715.715.626
Cộng	59.378.499.469	46.715.715.626
Trong đó, phải thu của khách hàng là các bên liên quan – Xem thêm mục 5.32:		
Công ty Cổ phần Cảng Long Thành	28.701.574	37.245.780
Công ty Cổ phần Dịch vụ Cảng Đồng Nai	114.850.945	49.300.790
Cộng	143.552.519	86.546.570

5.4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Tại ngày 30/06/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
Trả trước công ty TNHH Thương mại & Xây dựng Hà Nam tiền mua cầu 40T/36M chạy trên ray tại Cảng Gò Dầu B	15.884.000.000	-
Công ty TNHH MTV Dương Phú Thịnh	880.813.814	880.813.814
Trả trước cho các nhà cung cấp khác	2.741.952.424	3.615.958.532
Cộng	19.506.766.238	4.496.772.346

5.5. Phải thu ngắn hạn khác

	Tại ngày 30/06/2016 VND		Tại ngày 01/01/2016 VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu tiền nhượng bán cổ phiếu	1.887.300.000	-	2.787.300.000	-
Phải thu người lao động	415.900.000	-	410.833.000	-
Phải thu khác	72.601.019	-	334.765.185	-
Cộng	2.375.801.019	-	3.532.898.185	-

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

5.6. Nợ xấu

	Tại ngày 30/06/2016 VND		Tại ngày 01/01/2016 VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán	6.866.508.380	2.857.786.733	6.930.550.853	3.271.578.585
Cộng	6.866.508.380	2.857.786.733	6.930.550.853	3.271.578.585

Các khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán, phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính.

Thời gian quá hạn và giá trị các khoản nợ phải thu quá hạn theo từng đối tượng được chi tiết như sau:

	Tại ngày 30/06/2016 VND			Tại ngày 01/01/2016 VND		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn
Công ty TNHH Tùng Lâm	2.913.030.080	1.615.722.769	6 tháng – 2 năm	2.558.939.256	1.448.589.641	6 tháng – 2 năm
Công ty TNHH Đại Quế Lâm	1.087.057.149	597.250.753	1 năm – 2 năm	1.118.446.257	765.988.773	6 tháng – 2 năm
Các khách hàng khác	2.866.421.151	644.813.211		3.253.165.340	1.057.000.171	
Cộng	6.866.508.380	2.857.786.733		6.930.550.853	3.271.578.585	

5.7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Tại ngày 30/06/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
Công trình mở rộng Cảng Đồng Nai	65.559.463.653	63.940.812.653
Chi phí đầu tư hạ tầng khu tái định cư	27.054.453.800	27.054.453.800
Cầu bờ 40T/36M chạy trên ray bến tàu 30.000DWT	10.914.270.954	10.868.675.454
Các công trình khác	7.393.489.452	21.103.071.362
Cộng	110.921.677.859	122.967.013.269

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

5.8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tài sản cố định hữu hình khác VND	Tổng VND
Nguyên giá:						
Tại ngày 01/01/2016	436.201.403.865	56.388.908.233	39.254.807.735	4.029.465.146	2.355.304.077	538.229.889.056
Mua trong kỳ	-	1.096.740.000	-	1.988.299.500	5.532.188.364	8.617.227.864
Đầu tư XDCB hoàn thành	12.189.966.886	-	-	-	-	12.189.966.886
Tại ngày 30/06/2016	<u>448.391.370.751</u>	<u>57.485.648.233</u>	<u>39.254.807.735</u>	<u>6.017.764.646</u>	<u>7.887.492.441</u>	<u>559.037.083.806</u>
Giá trị hao mòn lũy kế:						
Tại ngày 01/01/2016	129.208.828.920	14.317.940.644	23.128.608.242	2.395.624.872	1.127.812.291	170.178.814.969
Khấu hao trong kỳ	10.323.337.266	2.012.870.632	1.805.050.609	371.634.057	465.571.354	14.978.463.918
Tại ngày 30/06/2016	<u>139.532.166.186</u>	<u>16.330.811.276</u>	<u>24.933.658.851</u>	<u>2.767.258.929</u>	<u>1.593.383.645</u>	<u>185.157.278.887</u>
Giá trị còn lại:						
Tại ngày 01/01/2016	306.992.574.945	42.070.967.589	16.126.199.493	1.633.840.274	1.227.491.786	368.051.074.087
Tại ngày 30/06/2016	<u>308.859.204.565</u>	<u>41.154.836.957</u>	<u>14.321.148.884</u>	<u>3.250.505.717</u>	<u>6.294.108.796</u>	<u>373.879.804.919</u>

Giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 06 năm 2016 của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố, đảm bảo cho các khoản vay là 282.742.475.315 VND – Xem thêm mục 5.11;

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 46.027.775.172 VND;

Các cam kết về việc mua TSCĐ hữu hình có giá trị lớn trong tương lai là 12.179.454.400 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

5.9. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm kế toán VND	Cộng VND
Nguyên giá:			
Tại ngày 01/01/2016	1.818.363.207	789.700.000	2.608.063.207
Mua trong kỳ	-	40.000.000	40.000.000
Tại ngày 30/06/2016	1.818.363.207	829.700.000	2.648.063.207
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Tại ngày 01/01/2016	1.818.363.207	421.053.862	2.239.417.069
Khấu hao trong kỳ	-	106.059.200	106.059.200
Tại ngày 30/06/2016	1.818.363.207	527.113.062	2.345.476.269
Giá trị còn lại:			
Tại ngày 01/01/2016	-	368.646.138	368.646.138
Tại ngày 30/06/2016	-	302.586.938	302.586.938

Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 1.818.363.207 VND.

5.10. Chi phí trả trước

	Tại ngày 30/06/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
Ngắn hạn:		
Mua bảo hiểm xe chờ phân bổ	42.019.776	90.913.620
Chi phí cước thuê bao chỗ đặt máy chủ và chi phí quảng cáo chờ phân bổ	3.799.990	26.599.996
Cộng	45.819.766	117.513.616
Dài hạn:		
Tiền thuê đất trả trước	28.159.683.234	14.768.219.084
Chi phí tư vấn phát triển năng lực lãnh đạo và lựa chọn giải pháp, thực thi quy trình và đánh giá chiến lược	576.488.182	688.988.182
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ chờ phân bổ	-	207.045.211
Cộng	28.736.171.416	15.664.252.477

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

5.11. Vay và nợ thuê tài chính

Các khoản vay và nợ thuê tài chính được chi tiết như sau:

	Tại ngày 30/06/2016 VND		Trong kỳ VND		Tại ngày 01/01/2016 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	69.868.111.475	69.868.111.475	82.077.298.286	71.015.088.605	58.805.901.794	58.805.901.794
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	173.058.436.593	173.058.436.593	4.500.000.000	13.965.630.242	182.524.066.835	182.524.066.835
Cộng	<u>242.926.548.068</u>	<u>242.926.548.068</u>	<u>86.577.298.286</u>	<u>84.980.718.847</u>	<u>241.329.968.629</u>	<u>241.329.968.629</u>

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất	Tại ngày	Tại ngày	
			30/06/2016 VND	01/01/2016 VND	
Vay ngắn hạn					
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	VND	6,3%/năm	16.511.189.900	15.630.095.309	(a)
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	VND	6,3%/năm	23.031.661.091	11.219.526.243	(b)
Vay dài hạn đến hạn trả					
Quỹ Đầu Tư Phát Triển	VND	7% - 7,5%/năm	15.817.000.000	19.075.000.000	(c)
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	VND	8,5%/năm	5.824.800.000	5.824.800.000	(d)
Ngân hàng TMCP Phương Đông	VND	8,13% - 8,63%/năm	5.503.460.484	4.343.980.242	(e)
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	VND	8,7%/năm	3.180.000.000	2.712.500.000	(f)
Cộng			<u>69.868.111.475</u>	<u>58.805.901.794</u>	

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất	Tại ngày 30/06/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND	
Vay dài hạn					
Quý Đầu Tư Phát Triển	VND	7% - 7,5%/năm	79.028.109.247	85.310.109.247	(c)
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	VND	8,5%/năm	22.313.247.961	25.225.647.961	(d)
Ngân hàng TMCP Phương Đông	VND	8,13% - 8,63%/năm	44.990.746.052	47.742.476.294	(e)
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	VND	8,7%/năm	26.726.333.333	24.245.833.333	(f)
Cộng			173.058.436.593	182.524.066.835	

Thông tin về tài sản cầm cố, thế chấp đảm bảo cho các khoản vay như sau:

(a) Khoản vay được đảm bảo bằng:

- Xe cầu Lima 700TC-02 (01 chiếc);
- Xe cầu bánh lốp P&H 670TC (01 chiếc);
- Cầu trục bánh lốp Halla American 5530 (01 chiếc);

(Theo hợp đồng thế chấp tài sản số 58/12/VCB.BH)

- Toàn bộ công trình xây dựng, hệ thống cầu, bến cảng và các công trình phụ trợ tại cảng Gò Dầu A, cảng Gò Dầu B theo văn bản cam kết ngày 24/01/2013 (Hợp đồng thế chấp số 58/12/VCB.BH ngày 12/3/2012).

(b) Khoản vay không có tài sản đảm bảo.

(c) Khoản vay được đảm bảo bằng:

- Cầu cảng LBT bến 2000 tấn;
- Cầu cảng LBT bến 5000 tấn;
- Cầu nổi 2 khu vực;
- Nâng cấp bến 2000 lên 5000 DWT;

(Hợp đồng thế chấp tài sản số 23/2013/HĐTC-TD ngày 09/12/2013)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

- 2 cầu Libebherr (Hợp đồng thế chấp tài sản số 33/2014.HĐTC-TD ngày 24/12/2014);
- 01 xe Toyota Altis 60V 9433;
- 01 xe Inova 60S-0595;
- 01 máy đào bánh xích 60XA-0660;
- 01 máy đào bánh xích 60XA-0659;
- 01 trạm cân 80T-GDB;
- 01 xe nâng container 45 tấn hiệu Kalmar Reachstacker.

(Hợp đồng thế chấp tài sản số 47/2012/HĐTC-TD ngày 25/12/2012 và tài sản hình thành sau đầu tư).

(d) Khoản vay được đảm bảo bằng:

- Toàn bộ công trình xây dựng trên đất và tài sản đầu tư trên đất, khoản tiền bảo hiểm đối với tài sản của dự án nâng cấp mở rộng cầu cảng số 2 (bến sà lan 3.000 DWT) tại Phường Long Bình Tân, Đồng Nai (Theo hợp đồng thế chấp số 094/14/VCB.BH);
- Chân đế trụ cầu thuộc công trình bến sà lan 3.000 DWT tại phường Long Bình Tân;
- 01 cầu bờ cố định 40T/30M-Macgregor GL4030-2; (Theo hợp đồng thế chấp số 211/14/VCB.BH)
- Công trình đồng bộ - nhà kho CFS diện tích 5.250m² (thuộc dự án mở rộng Cảng Đồng Nai giai đoạn 2 tại Phường Long Bình Tân, Biên Hòa, Đồng Nai) (Theo hợp đồng thế chấp số 054.13);
- Xe cầu Lima 700TC-02 (01 chiếc);
- Xe cầu bánh lốp P&H 670TC (01 chiếc);
- Cần trục bánh lốp Halla American 5530 (01 chiếc).

(Theo hợp đồng thế chấp tài sản số 58/12/VCB.BH).

(e) Khoản vay được đảm bảo bằng:

- Quyền sử dụng đất hình thành trong tương lai từ dự án mở rộng Cảng Đồng Nai giai đoạn 2B tại Phường Long Bình Tân, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai với diện tích 55.288m² (Hợp đồng thế chấp tài sản số 0145/2015/BĐ);
- Thửa đất số 575/TLBV dự án đầu tư mở rộng cảng Đồng Nai tại Phường Long Bình Tân, diện tích 91.843m² (Hợp đồng thế chấp tài sản số 197/2014/BĐ).

(f) Khoản vay được đảm bảo bằng tất cả các khoản lợi thu được từ việc kinh doanh, khai thác giá trị quyền sử dụng đất hoặc hạ tầng kỹ thuật trên đất, các khoản lợi thu được từ việc kinh doanh, khai thác bãi hoặc hạ tầng kỹ thuật trên bãi, quyền nhận tiền từ hợp đồng, quyền đòi nợ, quyền được nhận số tiền bảo hiểm, quyền nhận các khoản tiền bồi thường phạt vi phạm,... và tất cả các quyền và lợi ích phát sinh từ hợp đồng thuê quyền sử dụng đất 157.544,4 m² tại xã Phước Thái, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai và bãi cấp phối sỏi đỏ 7,15ha và 2,17ha thuộc dự án Cảng Gò Dầu B giai đoạn 2 tại Xã Phước Thái, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai (Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/CĐN/2015/HĐTC).

Giá trị còn lại của các khoản tài sản cầm cố thế chấp – Xem thêm mục 5.8.

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG ĐỒNG NAI1B-D3, Khu phố Bình Dương, Phường Long Bình Tân,
TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**5.12. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Tại ngày 30/06/2016 VND		Tại ngày 01/01/2016 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Bốc Dỡ Bình Khánh	9.535.520.001	9.535.520.001	5.704.586.001	5.704.586.001
Công ty Cổ phần Dịch vụ Cảng Đồng Nai	5.732.571.770	5.732.571.770	5.129.117.692	5.129.117.692
Phải trả cho các đối tượng khác	18.572.708.553	18.572.708.553	35.145.472.124	35.145.472.124
Cộng	33.840.800.324	33.840.800.324	45.979.175.817	45.979.175.817

Trong đó, phải trả người bán là các bên
liên quan – Xem thêm mục 5.32:

Công ty Cổ phần Dịch vụ Cảng Đồng Nai	5.732.571.770	5.732.571.770	5.129.117.692	5.129.117.692
Công ty Cổ phần Sonadezi Long Bình	114.195.901	114.195.901	122.438.191	122.438.191
Công ty Cổ phần Môi Trường Sonadezi	7.304.000	7.304.000	7.700.000	7.700.000
Tổng Công ty Cổ Phần Phát Triển Khu Công Nghiệp	-	-	7.400.000	7.400.000
Cộng	5.854.071.671	5.854.071.671	5.266.655.883	5.266.655.883

5.13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Tại ngày 01/01/2016 VND	Số phải nộp trong kỳ VND	Số đã thực nộp trong kỳ VND	Tại ngày 30/06/2016 VND
Phải nộp:				
Thuế giá trị gia tăng	-	1.047.677.002	120.597.407	927.079.595
Thuế thu nhập doanh nghiệp	914.728.824	1.684.365.964	1.667.196.655	931.898.133
Thuế thu nhập cá nhân	349.044.243	1.251.440.441	1.509.940.296	90.544.388
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	1.430.515.427	1.387.398.248	43.117.179
Các loại thuế khác	-	5.000.000	5.000.000	-
Cộng	1.263.773.067	5.418.998.834	4.690.132.606	1.992.639.295
Phải thu:				
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	5.442.169.211	5.442.169.211	-	-
Cộng	5.442.169.211	5.442.169.211	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

5.14. Phải trả người lao động

Là quỹ tiền lương 06 tháng còn lại phải trả cho lao động.

5.15. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Tại ngày 30/06/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
Chi phí du lịch cho nhân viên	900.000.000	-
Chi phí lãi vay	708.515.250	751.092.788
Chi phí môi giới	349.911.566	188.595.627
Chi phí thuê cầu trục làm hàng tại bến tàu 30.000 DWT	-	818.181.818
Cộng	1.958.426.816	1.757.870.233

5.16. Phải trả khác

	Tại ngày 30/06/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
Ngắn hạn:		
Phải trả về tiền đền bù trạm nước xã Phước Thái, nạo vét luồng vào Cảng Gò Dầu	1.373.382.250	1.373.382.250
Tổng Công ty Vật liệu xây dựng số 1	874.999.980	-
Công ty Cổ phần Thuận Hải	837.000.000	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	2.895.508.430	446.716.765
Cộng	5.980.890.660	1.820.099.015
Dài hạn:		
Phải trả công ty Cổ phần kinh doanh khí hóa lỏng Miền Nam tiền hỗ trợ giải phóng mặt bằng cho người dân	5.870.057.000	-
Cộng	5.870.057.000	-

5.17. Doanh thu chưa thực hiện

Là khoản doanh thu ghi nhận trước từ hoạt động cho thuê kho bãi.

5.18. Dự phòng phải trả

Là khoản trích trước chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định.

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

5.19. Vốn chủ sở hữu

5.19.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu					Cộng VND
	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	
Số dư tại ngày 01/01/2015	123.479.870.000	74.434.806.545	60.754.975.893	4.016.866.105	50.352.575.167	313.039.093.710
Lãi trong 6 tháng đầu năm 2015	-	-	-	-	26.151.813.824	26.151.813.824
Trích các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	20.521.807.604	1.806.379.072	(22.328.186.676)	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi Chia cổ tức	-	-	-	-	(6.553.947.681) (20.991.577.900)	(6.553.947.681) (20.991.577.900)
Số dư tại ngày 30/06/2015	123.479.870.000	74.434.806.545	81.276.783.497	5.823.245.177	26.630.676.734	311.645.381.953
Lãi trong 6 tháng cuối năm 2015	-	-	-	-	24.826.686.812	24.826.686.812
Trích các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	21.994.168.191	-	(21.994.168.191)	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(1.523.163.377)	(1.523.163.377)
Số dư tại ngày 01/01/2016	123.479.870.000	74.434.806.545	103.270.951.688	5.823.245.177	27.940.031.978	334.948.905.388
Lãi trong 6 tháng đầu năm nay	-	-	-	-	30.805.262.847	30.805.262.847
Trích các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	5.245.133	1.928.875.626	(1.934.120.759)	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi Chia cổ tức	-	-	-	-	(2.143.244.596) (20.991.577.900)	(2.143.244.596) (20.991.577.900)
Số dư tại ngày 30/06/2016	123.479.870.000	74.434.806.545	103.276.196.821	7.752.120.803	33.676.351.570	342.619.345.739

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

5.19.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Tại ngày 30/06/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
Vốn góp của công ty mẹ	62.974.800.000	62.974.800.000
Vốn góp của các đối tượng khác	60.505.070.000	60.505.070.000
Cộng	123.479.870.000	123.479.870.000

5.19.3. Cổ phiếu

	Tại ngày 30/06/2016	Tại ngày 01/01/2016
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	12.347.987	12.347.987
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã bán ra công chúng	12.347.987	12.347.987
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	12.347.987	12.347.987

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần.

5.19.4. Lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lãi sau thuế của cổ đông	30.805.262.847	26.151.813.824
Trừ: Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	(2.045.656.498)	(1.734.378.190)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	28.759.606.349	24.417.435.634
Số cổ phiếu lưu hành bình quân trong kỳ	12.347.987	12.347.987
Lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu	2.329	1.977

5.19.5. Các quỹ của doanh nghiệp

	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND
Tại ngày 01/01/2016	103.270.951.688	5.823.245.177
Trích trong kỳ	5.245.133	1.928.875.626
Tại ngày 30/06/2016	103.276.196.821	7.752.120.803

5.20. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

	Tại ngày 30/06/2016	Tại ngày 01/01/2016
Ngoại tệ các loại: USD	587.156,70	560.490,98

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

5.21. Doanh thu cung cấp dịch vụ

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Doanh thu:		
Doanh thu cung cấp dịch vụ	186.416.699.047	154.608.941.700
Cộng	186.416.699.047	154.608.941.700
Trong đó, doanh thu đối với các bên có liên quan – Xem thêm mục 5.32:		
Công ty Cổ phần Cảng Long Thành	372.822.883	310.795.687
Công ty Cổ phần Dịch vụ Cảng Đồng Nai	453.680.390	652.751.976
Cộng	826.503.273	963.547.663

5.22. Giá vốn hàng bán

Là giá vốn của dịch vụ đã cung cấp.

5.23. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.224.450.000	692.166.448
Cổ tức, lợi nhuận được chia	542.225.405	686.812.500
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	162.924.596	2.376.000
Cộng	1.929.600.001	1.381.354.948

5.24. Chi phí tài chính

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lãi tiền vay	9.934.317.717	3.683.933.326
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	89.190.000	-
Cộng	10.023.507.717	3.683.933.326

5.25. Chi phí bán hàng

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nhân viên	1.504.813.361	1.247.051.741
Chi phí hoa hồng, môi giới	1.952.878.627	2.825.156.773
Chi phí bằng tiền khác	1.635.915.447	1.998.416.734
Cộng	5.093.607.435	6.070.625.248

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

5.26. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nhân viên quản lý	7.095.592.292	7.181.573.613
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.483.557.524	3.861.824.517
Chi phí khác bằng tiền	3.417.596.275	3.775.994.730
Các khoản chi phí quản lý khác	2.819.193.304	3.910.734.770
Dự phòng/(hoàn nhập) các khoản phải thu khó đòi	349.749.379	(307.322.297)
Cộng	15.165.688.774	18.422.805.333

5.27. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	3.122.655.459	3.460.347.467
Chi phí nhân công	26.657.612.099	23.929.639.130
Chi phí khấu hao tài sản cố định	15.084.523.118	10.891.693.481
Chi phí dịch vụ mua ngoài	91.511.574.184	76.484.420.908
Chi phí khác bằng tiền	9.737.987.895	9.963.052.239
Cộng	146.114.352.755	124.729.153.225

5.28. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong năm	32.489.628.811	27.541.398.183
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	854.404.244	711.436.896
Trừ: Các khoản điều chỉnh giảm	(1.224.450.000)	(686.812.500)
Thu nhập tính thuế	32.119.583.055	27.566.022.579
Trong đó:		
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh chính chịu thuế suất ưu đãi (10%)	31.631.971.871	27.499.650.644
Thu nhập tính thuế từ hoạt động khác chịu thuế suất phổ thông	487.611.184	66.371.935
Chi phí thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính	3.163.197.187	2.749.965.064
Cộng: Chi phí thuế TNDN từ hoạt động khác	97.522.237	14.601.827
Trừ: Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính được giảm 50% số thuế phải nộp	(1.581.598.594)	(1.374.982.532)
Điều chỉnh thuế TNDN năm trước	5.245.134	-
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	1.684.365.964	1.389.584.359

Các khoản điều chỉnh tăng, giảm thu nhập chịu thuế chủ yếu là các khoản mục theo qui định của Luật thuế TNDN không được xem là chi phí/thu nhập khi tính thuế.

5.29. Số tiền đi vay thực thu trong kỳ

	Kỳ này VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	72.611.668.044

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

5.30. Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ

	Kỳ này VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	(71.015.088.605)

5.31. Báo cáo bộ phận

Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh vì Công ty chỉ có hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh dịch vụ cảng biển.

Công ty không có báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý vì hoạt động của Công ty chủ yếu là dịch vụ cảng biển tại khu vực Đồng Nai, do đó không có sự khác nhau về rủi ro và lợi ích kinh tế theo khu vực địa lý cần thiết phải thuyết minh.

5.32. Thông tin về các bên có liên quan

Trong kỳ, Công ty đã có giao dịch trọng yếu với các đơn vị và cá nhân dưới đây được xác định là các bên liên quan theo định nghĩa của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 26:

<u>Danh sách các bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
1. Tổng Công ty Cổ Phần Phát Triển Khu Công Nghiệp	Công ty mẹ
2. Công ty Cổ Phần Cảng Long Thành	Công ty liên kết
3. Công ty Cổ Phần Dịch vụ Cảng Đồng Nai	Công ty liên kết
4. Các công ty con, công ty liên kết thuộc Tổng Công ty Cổ phần Phát triển Khu Công nghiệp	Công ty cùng tập đoàn
5. Ban Giám đốc và Hội đồng quản trị	Nhân sự quản lý chủ chốt

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải thu (phải trả) với các bên liên quan như sau:

	Tại ngày 30/06/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
Phải thu – Xem thêm mục 5.3: Các công ty liên kết	143.552.519	86.546.570
Phải trả – Xem thêm mục 5.12: Công ty liên kết	(5.732.571.770)	(5.129.117.692)
Các công ty cùng tập đoàn	(121.499.901)	(130.138.191)
Công ty mẹ	-	(7.400.000)
Cộng	(5.854.071.671)	(5.266.655.883)

Bản chất các giao dịch quan trọng và giá trị giao dịch với các bên có liên quan trong kỳ như sau:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Cung cấp dịch vụ – Xem thêm mục 5.21: Các công ty liên kết	826.503.273	963.547.663
Mua dịch vụ: Các công ty liên kết	15.103.780.235	13.398.212.692
Các công ty cùng tập đoàn	837.457.680	917.043.300

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

Thù lao và thu nhập của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và các nhân viên quản lý chủ chốt khác được chi tiết như sau:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Thù lao Hội đồng quản trị	137.603.726	122.400.000
Thu nhập Ban Tổng Giám đốc	1.738.395.600	1.248.945.000
Cộng	1.875.999.326	1.371.345.000

5.33. Số liệu so sánh

Các số liệu so sánh dưới đây đã được báo cáo lại:

Kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ (Trích):

	Kỳ trước VND (Được báo cáo lại)	Kỳ trước VND (Đã được báo cáo trước đây)
Lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu	1.977	2.118

Việc báo cáo lại thông tin so sánh nêu trên là do trình bày lại chỉ tiêu lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính dựa trên lợi nhuận sau thuế của cổ đông sau khi trừ quỹ khen thưởng phúc lợi theo hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính.

5.34. Các sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày phát hành báo cáo tài chính.

6. PHÊ DUYỆT PHÁT HÀNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016 được Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt và phát hành vào ngày 08 tháng 08 năm 2016.



Nguyễn Ngọc Tuấn
Tổng giám đốc

Đồng Nai, ngày 08 tháng 08 năm 2016

Huỳnh Ngọc Tuấn
Kế toán trưởng

Vũ Thị Quỳnh Trang
Người lập